

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 12 tháng 6 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 124/2023/TLST - DS ngày 23 tháng 5 năm 2023.

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1.1/ *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị M, sinh năm: 1951; địa chỉ: 138/12 ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (bà Lê Thị M)*: Ông Trần Nhật Long H, sinh năm: 1978; địa chỉ: 137C H, phường S, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

1.2/ *Bị đơn*: Ông Trương Văn T, sinh năm: 1963 và bà Nguyễn Thị Kiều O, sinh năm: 1964; cùng địa chỉ: ấp P, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1/ Ông Trương Văn T và bà Nguyễn Thị Kiều O tự nguyện đồng ý liên đới hoàn trả cho bà Lê Thị M tổng số tiền là 210.000.000đ (hai trăm mười triệu đồng), trong đó bao gồm số tiền gốc đã vay là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) và tiền lãi là 10.000.000đ (mười triệu đồng).

2.2/ *Về án phí dân sự sơ thẩm*:

- Bà Lê Thị M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Trương Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nhưng thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị Kiều O tự nguyện đồng ý nhận chịu 1.312.500đ (một triệu ba trăm mười hai ngàn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

2.3/ *Về nghĩa vụ chậm thi hành án*: Kể từ ngày bà Lê Thị M có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông Trương Văn T và bà Nguyễn Thị Kiều O còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngày sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Bà Lê Thị M (01 bản);
- Ông Trương Văn T (01 bản);
- Bà Nguyễn Thị Kiều O (01 bản);
- VKSND huyện Chợ Lách (01 bản);
- Chi cục T.H.A.D.S huyện C (01 bản);
- Phòng KTNV-T.H.A TAND tỉnh Bến Tre (01 bản);
- Lưu: Hồ sơ vụ án<sub>(01 bản)</sub>, Vp<sub>(01 bản)</sub>, Bp<sub>(01 bản)</sub>.

**THẨM PHÁN**

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Ngọc Tuyên**